

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/TTr-HĐQT/2021/MFS

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2021

**TỜ TRÌNH  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**V/v đề xuất sửa đổi Điều lệ Công ty**

Kính thưa đại hội,

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật MobiFone (MobiFone Service);

Căn cứ Nghị quyết số 21 /NQ/HĐQT ngày 07 /6 /2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thống nhất các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ năm 2021 (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Tường Duy Phúc**

## PHỤ LỤC

Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật MobiFone

(kèm theo Tờ trình số 05/TT-HDQT/2021/MFS ngày

/ 2021 của Hội đồng quản trị Công ty)

TT	Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	Ghi chú
	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo ĐHĐCĐ năm 2020)		Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2020		
I	Những nội dung sửa đổi bắt buộc và có thay đổi				
1.	Điểm a Khoản 3 Điều 15. Quyền của cổ đông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 28 và Khoản 4 Điều 38 Điều lệ này;	Điểm a Khoản 3 Điều 15. Quyền của cổ đông	<i>Chuyển điểm a Khoản 3 thành Khoản 4</i>	Chuyển
2.	Điểm b Khoản 3 Điều 15. Quyền của cổ đông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm trên 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 Không yêu cầu sở hữu trong thời hạn liên tục 06 tháng	

TT	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo ĐHĐCĐ năm 2020)		Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2020		Ghi chú
	Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	
3.	Điểm a Khoản 3 Điều 15. Quyền của cổ đông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm trên <u>10%</u> <u>tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên</u> <u>tục từ sáu (06) tháng trở lên</u> có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 28 và Khoản 4 Điều 38 Điều lệ này;	Khoản 4 Điều 15. Quyền của cổ đồng	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm trên <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 28 và Khoản 4 Điều 38 Điều lệ này;	(Bổ sung thêm khoản 4) Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020  Không yêu cầu sở hữu trong thời hạn liên tục 06 tháng
4.	Điểm e Khoản 2 Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;	Điểm e Khoản 2 Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: e. <i>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i>	Điểm k khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020
5.	Chưa có		Điểm o Khoản 2 Điều 18. Quyền và nhiệm vụ	o. <i>Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của</i>	Căn cứ Điểm b khoản 3 Điều 167 Luật

TT	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo DHD/CD năm 2020)		Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2020		Ghi chú
	Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	
			của Đại hội đồng cổ đông	<i>cổ đông đó.</i>	Doanh nghiệp 2020
6.		Chưa có	Điểm p Khoản 2 Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;	Căn cứ Điểm m khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020
7.	Điểm b, Khoản 5 Điều 21. Triệu tập, Đại hội cổ đồng, chương trình họp và thông báo họp Đại hội cổ đồng.	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đồng không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông <u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;	Điểm b, Khoản 5 Điều 21. Triệu tập Đại hội cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội cổ đông	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đồng không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
8.	Khoản 3 Điều 21. Triệu tập Đại hội cổ đồng,	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký	Khoản 3 Điều 21. Triệu tập Đại hội cổ đông,	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo	Khoản 1 Điều 143. Luật Doanh nghiệp

TT	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo ĐHCĐ năm 2020)		Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2020		Ghi chú
	Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	
	chương trình họp và thông báo họp Đại hội cổ đông.	giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	chương trình họp và thông báo họp Đại hội cổ đông.	họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất <i>hai mươi một (21)</i> ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	2020
9.	Khoản 1 Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 22: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Khoản 1 Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 22: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 51% cổ phần</u> có quyền biểu quyết.	Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020
10.	Khoản 2 Điều 28.	Điều 28: Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của	Khoản 2 Điều 28	Điều 28: Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của	

TT	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo DHDCTD năm 2020)		Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2020		Ghi chú
	Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	
	Điều 28. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị	thành viên Hội đồng quản trị  2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Điều 28. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị.	thành viên Hội đồng quản trị  2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
11.	Khoản 1 Điều 53. Kiểm toán	Điều 53: Kiểm toán  1. Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài	Khoản 1 Điều 53. Kiểm toán	Điều 53: Kiểm toán  1. Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính dựa trên kết quả phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, với những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc	

TT	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo ĐHCĐ năm 2020)		Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2020		Ghi chú
	Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	
		chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.		lập sau khi kết thúc năm tài chính.	
II	<b>Những sửa đổi cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020</b>				
12.	Điểm h Khoản 1 Điều 1. Giải thích từ ngữ	h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	Điểm h Khoản 1 Điều 1. Giải thích từ ngữ	h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	Áp dụng Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
13.	Điểm k Khoản 1 Điều 1. Giải thích từ ngữ	k. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.	Điểm k Khoản 1 Điều 1. Giải thích từ ngữ	k. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.	Cập nhật Luật Doanh nghiệp 2020
14.	Khoản 5 Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	5. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt nam, trước khi tiếp nhận để nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu có phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác nhau và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.	Bỏ	Bỏ	Theo Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020

TT	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo ĐHĐCĐ năm 2020)		Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2020		Ghi chú
	Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	
15.	Điều 16: Nghĩa vụ của Cổ đồng	Không có	Khoản 7 Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đồng	7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020
16.	Điểm e Khoản 3 Điều 17. Đại hội đồng cổ đồng	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Điểm e Khoản 3 Điều 17. Đại hội đồng cổ đồng.	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Cập nhật điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2020
17.	Điểm b Khoản 4 Điều 17. Đại hội đồng cổ đồng	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;	Điểm b Khoản 4 Điều 17. Đại hội đồng cổ đồng	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2020
18.	Điểm c Khoản 4 Điều 17. Đại hội đồng cổ đồng	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định	Điểm c Khoản 4 Điều 17. Đại hội đồng cổ đồng	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật	Cập nhật điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2020



TT	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo ĐHĐCĐ năm 2020)		Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2020		Ghi chú
	Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	
		<p><u>Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>		<p>Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
19.	<p>Điểm n Khoản 2 Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</u></p>	<p>Điểm n Khoản 2 Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</u></p>	<p>Cập nhật điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 15 Thông tư 116/2020/ TT-BTC</p>
20.	<p>Khoản 2 Điều 19. Các đại diện ủy quyền</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo <u>mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây</u></p>	<p>Khoản 2 Điều 19. Các đại diện ủy quyền</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây</p>	<p>Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020 (<i>Không</i>)</p>

TT	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo ĐHKD năm 2020)		Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	Ghi chú
	Khoản/ Điều	Nội dung					
21.		Thành viên Ban kiểm soát	Các nội dung có từ: Thành viên ban kiểm soát	Kiểm soát viên	2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên: 2.1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định trên Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của	Điều 169 Luật Doanh nghiệp	
22.	Mục 2.1 khoản 2 Điều 38. Thành viên ban kiểm soát	1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát: 1.1 Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, hiểu biết về pháp luật; b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.	Mục 2.1 khoản 2 Điều 38. Thành viên ban kiểm soát	Kiểm soát viên	2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên: 2.1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định trên Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của	Điều 169 Luật Doanh nghiệp	

TT	Điều lệ Công ty năm 2020 (Theo ĐHĐCĐ năm 2020)		Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung theo Luật Doanh nghiệp năm 2020		Ghi chú
	Khoản/ Điều	Nội dung	Khoản/ Điều	Nội dung	
23.	Khoản 1 Điều 40. Ban kiểm soát	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Khoản 1 Điều 40. Ban kiểm soát	<p><i>người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.</i></p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
24.	Khoản 1 Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát	<p>Điều 41: Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. <u>Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</u></p>	Khoản 1 Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát	<p>Điều 41: Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. <i>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</i></p>	Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020



